

Số: 39/2026/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 9739/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách, mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn, buôn, bon, bản (gọi chung là thôn), tổ dân phố thuộc các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

12

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thuộc các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng bao gồm các chức danh:

- a) Phó bí thư Chi bộ.
- b) Phó trưởng thôn hoặc Phó tổ trưởng tổ dân phố.
- c) Phó trưởng Ban Công tác Mặt trận.
- d) Bí thư Chi đoàn.
- đ) Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ.
- e) Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh.
- g) Chi hội trưởng Chi hội Nông dân.

2. Số lượng người tham gia hoạt động ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 07 người (mỗi chức danh 01 người); trường hợp thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên được bố trí thêm 01 Phó trưởng thôn hoặc Phó tổ trưởng tổ dân phố, nhưng phải bố trí kiêm nhiệm ít nhất 01 chức danh trong số người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố để đảm bảo tổng số người tham gia hoạt động ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 07 người.

Điều 4. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Mức phụ cấp hàng tháng (bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội) đối với người hoạt động không chuyên trách (gồm các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng ban Công tác Mặt trận) ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:

STT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (hệ số lần lương cơ sở)		
		Thôn có từ 1.500 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 2.000 hộ gia đình trở lên	Thôn có từ 700 hộ gia đình đến dưới 1.500 hộ gia đình; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình đến dưới 2.000 hộ gia đình; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về	Thôn, tổ dân phố còn lại

			quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo; thôn đặc biệt khó khăn	
1	Bí thư Chi bộ	3,2	2,8	2,3
2	Trưởng thôn Tổ trưởng tổ dân phố	3,0	2,7	2,2
3	Trưởng ban Công tác Mặt trận	2,8	2,5	2,0

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

STT	Chức danh	Mức hỗ trợ hàng tháng (hệ số lần lương cơ sở)		
		Thôn có từ 1.500 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 2.000 hộ gia đình trở lên	Thôn có từ 700 hộ gia đình đến dưới 1.500 hộ gia đình; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình đến dưới 2.000 hộ gia đình; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo; thôn đặc biệt khó khăn	Thôn, tổ dân phố còn lại
1	Phó Bí thư chi bộ	1,4	1,2	1,1
2	Phó trưởng thôn Phó tổ trưởng tổ dân phố	1,3	1,1	1,0
3	Phó trưởng ban Công tác Mặt trận	1,2	1,0	0,9
4	Bí thư Chi đoàn	1,1	0,9	0,8
5	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	1,1	0,9	0,8

STT	Chức danh	Mức hỗ trợ hàng tháng (hệ số lần lương cơ sở)		
		Thôn có từ 1.500 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 2.000 hộ gia đình trở lên	Thôn có từ 700 hộ gia đình đến dưới 1.500 hộ gia đình; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình đến dưới 2.000 hộ gia đình; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, hải đảo; thôn đặc biệt khó khăn	Thôn, tổ dân phố còn lại
6	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	1,1	0,9	0,8
7	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	1,1	0,9	0,8

Điều 6. Việc kiêm nhiệm chức danh và mức hỗ trợ kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá một chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố và được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá một chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

3. Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm các chức danh người tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố và được hưởng 100% mức hỗ trợ của các chức danh kiêm nhiệm.

4. Mức phụ cấp, hỗ trợ chức danh kiêm nhiệm không dùng để đóng Bảo hiểm xã hội.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo, được cân đối trong dự toán ngân sách giao hàng năm cho các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 264/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Quy định chức danh, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; trừ nội dung áp dụng đối với Nhân viên y tế thôn (bản) quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 264/2023/NQ-HĐND.

b) Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định về chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố và số lượng, chế độ đối với người tham gia công việc ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh.

c) Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

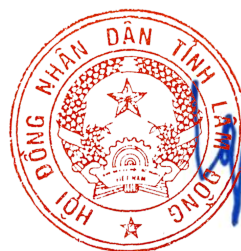
d) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định chức danh, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; trừ nội dung áp dụng đối với nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố quy định tại Điều 7 quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khoá XI, Kỳ họp thứ 4 (Kỳ họp thường lệ giữa năm) thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- VP: TU, ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh;
- Trung tâm LT và DVVL tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung